

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 01-07-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên

Hôm nay ngày 01 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 878/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đồng Văn T, sinh năm 1948; (có mặt)

Địa chỉ: số 66, đường Đinh Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Bà Văn Thị T, sinh năm 1950; (có mặt)

Địa chỉ: số 04 Thạch L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TPHCM;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đồng Văn Nguyên T, sinh năm: 1986. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Quỳnh Nhã U (vợ ông Nguyên T)(vắng mặt)

3. Ông Đồng Văn Đông T, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 4 Thạch L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. HCM

4. Ông Nguyễn Phương Q sinh năm 1974(vắng mặt) và bà Trần Thị C sinh năm 1976.(có mặt)

Địa chỉ: 260 Trần P, tổ 2, phường Lộc Sơn, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Phương Q tại phiên tòa là bà Trần Thị C.(có mặt)

5. Ông Dương Quốc C, sinh năm 1987(vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị H (người thuê phòng) (vắng mặt)

7. Nông Thẩm Thu U (người thuê phòng)(vắng mặt)

8. Ông Mai Dương H (người thuê phòng)(vắng mặt)

9. Ông Nguyễn Văn T (người thuê phòng)(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 4 Thạch L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Văn Thị T có ông Vũ Quang Đ luật sư của văn phòng luật sư Vũ Quang Đức, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nhận ngày 28/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đồng Văn T trình bày:

Ông và bà Văn Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1971, đăng ký kết hôn tại Quận 3 – Sài Gòn theo giấy đăng ký kết hôn số 839 ngày 15/11/1972 Ông T và bà Văn Thị T tự nguyện sống chung với nhau, không có tổ chức đám cưới.

Thời gian đầu, ông và bà sống hạnh phúc, từ năm 1995, sức khỏe Ông T suy giảm vì tuổi tác nên tình nghĩa vợ chồng không còn mặn mà, vợ chồng không quan tâm nhau. Ông cho rằng bà T bắt đầu không còn tôn trọng Ông T, mọi việc trong nhà đều giành quyền quyết định, không cần thông qua ý kiến của ông.

Năm 1995, ông đau nặng, bà T không hề quan tâm đến bệnh tình của ông, bỏ mặc ông với những cơn đau. Bà chỉ quan tâm đến chuyện tiền bạc và căn nhà đang ở. Ông ăn uống hàng ngày phải tự túc, ngay cả quần áo mặc hàng ngày bà cũng quản lý, ngay cả giấy tờ tùy thân của ông giấy CMND, bằng lái xe bà cũng giữ. Đời sống Ông T không còn chút nào tự do, ông bị kiểm soát hạn chế nhu cầu cá nhân. Ông T có làm đơn lên UBND phường Phú Thạnh và phường mời nhưng bà T không đến. Ông T phải đi chạy xe ôm kiếm thêm tiền để sinh hoạt hàng ngày, từ

đầu năm 2017 đến nay Ông T và bà T không gặp mặt nhau, mỗi lần gặp mặt là bà T lên Bảo Lộc gây rối, có lần bà và con trai là T đánh ông chảy máu đầu.

Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài nên Ông T yêu cầu tòa án giải quyết cho Ông T được ly hôn với bà Văn Thị T. Vì ông già rồi muốn được chết thanh thản nhẹ nhàng không muốn vướng bận cuộc đời với bà T.

Về con chung: Ông và bà Văn Thị T có 02 con chung là Đồng Văn Đông T, sinh năm 1972 và Đồng Văn Nguyên T, sinh năm 1986, vì các con đã lớn trên 20 tuổi và phát triển bình thường lập gia đình do đó không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung ông yêu cầu chia:

1. Nhà đất tại số 4, đường Thạch L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM. Qua định giá 9.997.819.572 đồng. Ông đồng ý bà T được quyền mua trước sau đó giải quyết theo pháp luật là chia 50% giá trị tài sản cho hai bên.

2. Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 66, đường Đình Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Qua định giá 15.112.699.016 đồng. chia đều mỗi bên 50% giá trị tài sản cho hai bên, ông xin được mua trước vì ông đang ở.

Ông T thống nhất giá theo định giá để tính án phí.

Về nợ chung: Khi chấm dứt hợp đồng cho thuê đất số 66, đường Đình Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng thì vi phạm hợp đồng thuê của vợ chồng ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C, hai ông bà yêu cầu phản tố và ông đồng ý trả theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Văn Thị T cho rằng:

Ông và bà Văn Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1971, đăng ký kết hôn tại Quận 3 – Sài Gòn theo giấy đăng ký kết hôn số 839 ngày 15/11/1972 Ông T và bà Văn Thị T tự nguyện sống chung với nhau, không có tổ chức đám cưới.

Thời gian đầu, ông và bà sống hạnh phúc, từ năm 1995, tình cảm vợ chồng vẫn còn tốt, bà chăm sóc ông từ cái ăn cho đến cái mặc, ông bị người ngoài xúi dục lời kéo ly hôn với bà. Từ đầu năm 2017 đến nay bà và ông không còn chung sống với nhau, bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Văn Thị T có 02 con chung là Đồng Văn Đông T, sinh năm 1972 và Đồng Văn Nguyên T, sinh năm 1986, vì các con đã lớn trên 20 tuổi và phát triển bình thường lập gia đình do đó không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung bà T yêu cầu chia:

1. Nhà đất tại số 4, đường Thạch L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM. Qua định giá là 9.997.819.572 đồng. Bà T yêu cầu được quyền mua trước sau khi giải quyết theo pháp luật là chia 50% giá trị tài sản cho hai bên.

2. Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 66, đường Đinh Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Qua định giá là 15.112.699.016 đồng. Chia đều mỗi bên 50% giá trị tài sản cho hai bên, nên Ông T muốn lấy thì trả cho bà 3.057.000.000 đồng và bà sẽ lấy căn nhà số 4, đường Thạch L, phường Phú Thạnh.

Bà T thống nhất giá theo định giá để tính án phí. Bà rút lại yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do không cần thiết.

Về nợ chung: Khi chấm dứt hợp đồng cho thuê đất số 66, đường Đinh Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng thì vi phạm hợp đồng thuê của vợ chồng ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C bà T chỉ đồng ý trả 8.500.000 đồng.

**Ý kiến ông Đồng Văn Nguyên T, sinh năm 1986:* ông có ý kiến cho rằng tài sản chung của cha và mẹ hình thành khi ông còn nhỏ, ông không có đóng góp gì. Ông thống nhất với ý kiến của mẹ ông là bà T.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C có yêu cầu độc lập:* Khi Ông T chấm dứt hợp đồng cho thuê đất số 66, đường Đinh Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng thì vi phạm hợp đồng thuê, vợ chồng Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C đã có yêu cầu độc lập yêu cầu Ông T và bà T trả toàn bộ số tiền 54.460.000 đồng trong đó gồm 17.000.000 đồng tiền cọc + 17.000.000 đồng phạt cọc + 8.500.000 đồng tiền phân bón(có hóa đơn) + tiền thuê nhân công.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thống nhất được các vấn đề và vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải thành được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

** Vấn đề Ly hôn :*

- Nguyên đơn: sau khi được động viên hòa giải của hội đồng xét xử và kiểm sát viên ông Đồng Văn T rút yêu cầu ly hôn với bà T

- Bị đơn bà T đồng ý với việc Ông T rút yêu cầu xin được ly hôn.

** Về con chung :* Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết vì các con đã lớn và phát triển bình thường.

** Về tài sản chung :*

Các bên ông Đồng Văn T, bà Văn⁵Thị T và ông Đồng Văn Nguyên T thống nhất thỏa thuận chia tài sản chung như sau:

1. Bà Văn Thị T được toàn quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 04, đường Thạch L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM, theo hồ sơ gốc số 27085/2001 do Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2001(bà T đang giữ giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà).

2. Ông Đồng Văn T được toàn quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, tài sản trên đất tại số 66, đường Đinh Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận số 05365/QSĐĐ/509 QĐUB do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc cấp ngày 13/09/2002 (bà T đang giữ giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất). Ông T có nghĩa vụ phải trả cho bà Văn Thị T số tiền 3.057.000.000 đồng.

Ông Đồng Văn Nguyên T thống nhất với ý kiến của bà T (mẹ ruột).

* Về nợ chung:

Bà Trần Thị C đại diện cho hai vợ chồng ông Nguyễn Phương Q và bà tại phiên tòa.

Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Phương Q đồng ý rút yêu cầu đòi 3.960.000 đồng là một phần yêu cầu đối với ông Đồng Văn T và bà Văn Thị T, chỉ yêu cầu Ông T và bà T trả số tiền 50.500.000 đồng.

Các bên ông Đồng Văn T và bà Văn Thị T thống nhất thỏa thuận với ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C trả tổng số tiền nợ chung(vi phạm hợp đồng thuê đất) là 50.500.000 đồng, cụ thể: ông Đồng Văn T trả cho ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C 42.000.000 đồng và bà Văn Thị T trả cho ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C số tiền 8.500.000 đồng.

* Luật sư Vũ Quang Đức đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề ly hôn và tài sản chung, nợ chung.

Đại diện VKSND quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện VKS nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân: Ông T rút yêu cầu ly hôn bà T, bà T đồng ý nên đề nghị Tòa chấp nhận. Ông T và bà T có 02 con chung là Đồng Văn Đông Thái, sinh năm 1972 và Đồng Văn Nguyên T, sinh năm 1986, vì các con đã lớn trên 20 tuổi và phát triển bình thường lập gia đình do đó không yêu cầu Tòa giải quyết; Về tài sản chung : yêu cầu công nhận sự thỏa thuận của các

đương sự, bà T không còn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Về nợ chung : Yêu cầu tòa công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa ông Đồng Văn T và bà Văn Thị T thống nhất thỏa thuận với ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C số tiền tổng là 50.500.000 đồng, cụ thể : ông Đồng Văn T trả cho ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C 42.000.000 đồng và bà Văn Thị T trả cho ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C số tiền 8.500.000 đồng.

Bà Trần Thị C đồng ý rút yêu cầu đòi 3.960.000 đồng là một phần yêu cầu đối với ông Đồng Văn T và bà Văn Thị T.

Đề nghị Hội đồng xét xử tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn của Quận 3 – Sài Gòn theo giấy đăng ký kết hôn số 839 ngày 15/11/1972 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đồng Văn T và bà Văn Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay Ông T yêu cầu ly hôn, bà T hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú trước khi thụ lý nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận Tân Phú theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các bên nguyên đơn và bị đơn, ông Đồng Văn Nguyên T, bà Trần Thị C, Luật sư Đức có mặt tại tòa đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thống nhất được cách giải quyết, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là nhưng người thuê trọ, và sống tại căn nhà số 4 Thạch L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú được Tòa tổng đạt trong các phiên hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt, tại phiên Tòa bà Chi khai là bà đại diện cho cả ông Quang hai vợ chồng thống nhất ý chí, theo khoản 1, khoản 2 Điều 177; Điều 179; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử.

2/ Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Xét việc ông Đồng Văn T rút yêu cầu ly hôn với bà Văn Thị T tại phiên Tòa và bà T đồng ý là sự tự nguyện hòa giải đoàn tụ của các đương sự. Nên đình chỉ yêu cầu ly hôn của ông Đồng Văn T.

Ông và bà Văn Thị T có 02 con chung là Đồng Văn Đông Thái, sinh năm 1972 và Đồng Văn Nguyên T, sinh năm 1986, vì các con đã lớn trên 20 tuổi và phát triển bình thường lập gia đình do đó không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra đương sự rút yêu cầu ly hôn nên không xét về con chung. Nên do hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Về quan hệ tài sản:

* Về tài sản chung : Các bên ông Đồng Văn T, bà Văn Thị T và ông Đồng Văn Nguyên T thống nhất thỏa thuận chia tài sản chung như sau:

1. Bà Văn Thị T được toàn quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 04, đường Thạch L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM, theo hồ sơ gốc số 27085/2001 Do Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2001(bà T đang giữ giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà).

2. Ông Đồng Văn T phải thanh toán cho bà Văn Thị T số tiền 3.057.000.000 đồng thì ông Đồng Văn T được toàn quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, tài sản trên đất tại địa chỉ số 66, đường Đinh Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận số 05365/QSDD/509 QĐUB do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc cấp ngày 13/09/2002 (bà T đang giữ giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T phải giao trả Chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Ông T khi bà T nhận đủ số tiền 3.057.000.000 đồng).

Ý kiến ông Đồng Văn Nguyên T, sinh năm: 1986 ông cho rằng tài sản chung nêu trên là của cha và mẹ, hình thành khi ông còn nhỏ, ông không có đóng góp gì. Ông thống nhất sự thỏa thuận của cha và mẹ là Ông T và bà T, ông không tranh chấp gì.

* Về nợ chung:

Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Phương Q đồng ý rút yêu cầu đòi 3.960.000 đồng là một phần yêu cầu đối với ông Đồng Văn T và bà Văn Thị T, chỉ yêu cầu Ông T và bà T trả số tiền 50.500.000 đồng.

Các bên ông Đồng Văn T và bà Văn Thị T thống nhất thỏa thuận với ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C trả tổng số tiền nợ chung là 50.500.000 đồng, cụ thể : ông Đồng Văn T trả cho ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C 42.000.000 đồng và bà Văn Thị T trả cho ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C số tiền 8.500.000 đồng.

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác sống, thuê phòng trong nhà số 4, đường Thạch L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM, từ trước đến nay do bà T quản lý cho thuê, nay bà T được quyền sở hữu nhà và trực tiếp

quản lý nhà nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về án phí:

* Về án phí của người có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C số tiền được chấp nhận là 50.500.000 đồng, án phí là 2.525.000 đồng, các bên hòa giải thành tại phiên Tòa xét xử, do đó mỗi bên phải nộp 50% án phí dân sự cụ thể là 1.262.500 đồng, miễn án phí số tiền án phí trên số tiền 3.960.000 đồng do ông Quang và bà Chi rút yêu cầu. Ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C phải nộp 1.262.500 đồng nhưng được căn trừ vào tiền đã nộp tạm ứng án phí 1.362.000 đồng. Trả lại cho ông Q và bà C số tiền 99.500 đồng.

* Án phí của ông Đồng Văn T và bà Văn Thị T

- Án phí dân sự nợ chung hai bên thống nhất chia mỗi người 50%. Đề nghị tòa giải quyết theo đơn xin miễn án phí.

- Ông Đồng Văn T được miễn án phí ly hôn, do rút yêu cầu.

- Ông Đồng Văn T phải nộp án phí dân sự chia tài sản chung trên phần ông được chia cụ thể: 15.112.699.016 đồng - 3.057.000.000 đồng = 12.055.699.016 đồng, án phí dân sự chia tài sản chung là 120.055.699 đồng và án phí dân sự chia nợ chung 631.250 đồng.

- Bà Văn Thị T phải nộp án phí dân sự chia tài sản chung trên phần ông được chia cụ thể: 9.997.819.572 đồng + 3.057.000.000 đồng = 13.054.819.572 đồng, án phí dân sự chia tài sản chung là 121.054.820 đồng và án phí dân sự chia nợ chung 631.250 đồng.

Tuy nhiên ông Đồng Văn T, sinh năm 1948 (72 tuổi) và bà Văn Thị T, sinh năm 1950 (70 tuổi) cả hai có đơn xin miễn án phí, xét hai ông bà là người cao tuổi theo luật điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí đối với đối với người cao tuổi (là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên – Điều 2 Luật Người cao tuổi) do đó ông bà được miễn toàn bộ án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản⁹ 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 246; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 37, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 61, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Đình chỉ yêu cầu ly hôn của ông Đồng Văn T:

(Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật)

2/ Công nhận sự thỏa thuận về tài sản chung giữa ông Đồng Văn T, bà Văn Thị T và ông Đồng Văn Nguyên T:

2.1. Bà Văn Thị T được toàn quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 04(số cũ 156), đường Thạch L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 4 theo hồ sơ gốc số 27085/2001 do Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2001(bà T đang giữ giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà).

2.2. Buộc ông Đồng Văn T phải thanh toán cho bà Văn Thị T số tiền 3.057.000.000(ba tỷ không trăm năm mươi bảy triệu) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Đồng Văn T được toàn quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 66, đường Đinh Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05365/QSĐĐ/509 QĐUB do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc cấp ngày 13/09/2002 (bà T đang giữ giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T phải giao trả giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Ông T khi bà T nhận đủ số tiền 3.057.000.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà Ông T không trả hết số tiền 3.057.000.000 đồng thì bà T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi(bán) toàn bộ tài sản quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, cùng tài sản trên đất tại số 66, đường Đinh Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng để thu hồi số tiền nêu trên.

Kể từ ngày Ông T nộp đủ hoặc trả đủ số tiền 3.057.000.000 đồng, mà bà T không giao Chứng nhận quyền sử dụng đất của số 66, đường Đinh Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cho Ông T, thì Ông T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền, yêu cầu cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của số 66, đường Đinh Công T, xã Lộc Châu, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05365/QSĐĐ/509 QĐUB do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo Lộc cấp ngày 13/09/2002.

Ông Đồng Văn T và bà Văn Thị¹⁰T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sang tên (cập nhật biến động thành sở hữu riêng) các tài sản nêu trên.

3/ Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Đồng Văn T và bà Văn Thị T với ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C:

3.1 Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu trên số tiền 3.960.000 đồng do ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C rút yêu một phần yêu cầu khởi kiện.

3.2 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C với tổng số tiền 50.500.000 đồng cụ thể:

Buộc ông Đồng Văn T có nghĩa vụ phải trả số tiền 42.000.000(bốn mươi hai triệu) đồng cho ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C.

Buộc bà Văn Thị T có nghĩa vụ phải trả số tiền 8.500.000(tám triệu năm trăm ngàn) đồng cho ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C.

* Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án (bà Văn Thị T, ông Quang và bà Chi) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4/ Về án phí:

4.1 Miễn án phí trên số tiền 3.960.000 đồng cho ông Nguyễn Phương Q và bà Trần Thị C, ông Quang và bà Chi phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.262.500 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 1.362.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012247 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Trả lại cho ông Quang và bà Chi số tiền 99.500 đồng.

4.2 Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn, án phí dân sự chia tài sản chung, án phí trả nợ chung cho ông Đồng Văn T và bà Văn Thị T.

4.3 Trả lại cho ông Đồng Văn T số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010316 ngày 13/12/2017 và biên lai thu số 0009790 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

* Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành¹¹ án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Mỹ